

Bản án số: 93/2022/HNGĐ - ST.

Ngày: 20 – 9 – 2022.

V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hoàng Bảo.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thanh Rục.

2. Ông Thạch Thanh Tâm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Chí Điều - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 212/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Vương Thị Ngọc Y, sinh năm 1991; Hộ khẩu thường trú: Số X, ấp X, xã T, huyện B, Thành Phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay: Ấp V, xã P, huyện C, tỉnh Long An (Vắng mặt).

*Bị đơn:* Ông Trần Văn K, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện ngày 10/5/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Vương Thị Ngọc Y trình bày:*

Nguyên vào năm 2018, bà và ông Trần Văn K tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh, Thành Phố Hồ Chí Minh, vào ngày 29/10/2018. Sau khi kết hôn ông, bà chung sống hạnh phúc, sau đó đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do ông K có lối sống không lành mạnh và đến tháng 11/2021 thì ông K phạm tội trộm cắp tài sản và bị Tòa án nhân dân huyện Long Phú xử phạt 03 năm tù, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Sóc Trăng. Trong thời gian chung sống bà và ông K có 02 người con chung tên Trần Phương T, sinh ngày 28/6/2018 và Trần Phương T1, sinh ngày

25/10/2020, hiện nay các cháu đang sống chung với bà Y. Quá trình chung sống bà và ông K không tài sản chung và không có nợ chung.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 12 tháng 9 năm 2022, bà Vương Thị Ngọc Y vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Về hôn nhân xin được ly hôn với ông Trần Văn K; về con chung: Xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Phương T, sinh ngày 28/6/2018 và Trần Phương T1, sinh ngày 25/10/2020 đến khi thành niên, không yêu cầu ông Trần Văn K cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/6/2022 bị đơn ông Trần Văn K trình bày:* Nguyên vào năm 2018 ông và bà Vương Thị Ngọc Y tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh, Thành Phố Hồ Chí Minh, vào ngày 29/10/2018. Trong thời gian chung sống ông và bà Y có 02 người con chung tên Trần Phương T, sinh ngày 28/6/2018 và Trần Phương T1, sinh ngày 25/10/2020, hiện nay các cháu đang sống chung với bà Y. Quá trình chung sống ông và bà Y có tạo lập được tài sản chung là số tiền 100.000.000đồng; về nợ chung không có. Ông có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Vương Thị Ngọc Y như sau: Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Y; về con chung: Giao cho bà Y được quyền trực tiếp nuôi dưỡng các con chung là Trần Phương T, sinh ngày 28/6/2018 và Trần Phương T1, sinh ngày 25/10/2020 đến khi thành niên, ông không cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung: Do hiện nay ông đang chấp hành bản án của Tòa án nên đối với tài sản chung là số tiền 100.000.000đồng ông không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền; việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Vương Thị Ngọc Y.

+ Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng: Giao con chung là các cháu Trần Phương T, sinh ngày 28/6/2018 và Trần Phương T1, sinh ngày 25/10/2020 cho bà Vương Thị Ngọc Y trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên, ông Trần Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà Y không có yêu cầu.

+ Về tài sản chung: Bà Vương Thị Ngọc Y và ông Trần Văn K không có yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

+ Về nợ chung: Bà Vương Thị Ngọc Y và ông Trần Văn K xác định không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Vương Thị Ngọc Y vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Trần Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Y và ông K.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Vương Thị Ngọc Y và ông Trần Văn K xác định ông, bà chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh, Thành Phố Hồ Chí Minh, vào ngày 29/10/2018. Hôn nhân của bà Y và ông K tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên pháp luật công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Y và ông K là hợp pháp. Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 10/5/2022 và ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 12/9/2022, bà Y vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông K với lý do trong quá trình chung sống đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do ông K có lỗi sống không lành mạnh và hiện đang chấp hành hình phạt tù theo bản án của Tòa án về tội trộm cắp tài sản. Từ khi bà Y chính thức xin ly hôn đến nay nhưng hai bên không tìm biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đối với bị đơn ông Trần Văn K, trong quá trình giải quyết án vụ, tại biên bản lấy lời khai ngày 28/6/2022 ông xác định mặc dù tình trạng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng phải ly hôn, tuy nhiên hiện tại ông đang chấp hành án phạt tù nên bà Y có yêu cầu xin ly hôn thì ông cũng đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng đã không còn hàn gắn được. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà Y và ông K đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Vương Thị Ngọc Y được ly hôn với ông Trần Văn K.

[3]. Về con chung: Bà Vương Thị Ngọc Y và ông Trần Văn K xác định trong thời gian chung sống ông, bà có hai người con chung là Trần Phương T, sinh ngày 28/6/2018 và Trần Phương T1, sinh ngày 25/10/2020, hiện nay cháu T và cháu T1 đang sống chung với bà Y. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt bà Y xác định từ khi bà và ông K sống ly thân thì bà là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và cháu T1, hiện các cháu vẫn đang chung sống với bà nên bà xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu đến khi thành niên, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. Xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế bà Y và ông K đã không còn chung sống với nhau từ năm 2021 cho đến nay, trong khoảng thời gian này cháu T và cháu T1 sống chung với bà Y, do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cuộc sống của cháu đã ổn định về mọi mặt; việc thay đổi điều kiện, hoàn cảnh sống sẽ làm ảnh hưởng đến tâm lý, tình cảm, sự phát triển bình thường về mọi mặt của cháu; đồng thời hiện tại ông K đang trong thời gian chấp hành án phạt tù. Do đó, Hội đồng xét xử quyết

định giao con chung là cháu T và cháu T1 cho bà Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là cần thiết và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ngoài ra căn cứ vào khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông Trần Văn K mà không ai được ngăn cản.

[4]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án bà Vương Thị Ngọc Y không có yêu cầu ông Trần Văn K cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là có căn cứ.

[5]. Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Vương Thị Ngọc Y xác định không có tài sản chung; ông Trần Văn K cho rằng ông, bà có tạo lập tài sản chung là số tiền 100.000.000đồng nhưng ông không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là có căn cứ. Trường hợp sau khi ly hôn ông K và bà Y có phát sinh tranh chấp về tài sản chung thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung bằng một vụ án khác.

[6]. Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Vương Thị Ngọc Y và ông Trần Văn K xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là có căn cứ.

[7]. Về án phí: Bà Vương Thị Ngọc Y phải chịu án phí theo qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Ông Trần Văn K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[8]. Như đã phân tích nêu trên xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú về đề nghị giải quyết về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Vương Thị Ngọc Y được ly hôn với ông Trần Văn K.
2. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:

+ Về con chung: Giao các con chung là cháu Trần Phương T, sinh ngày 28/6/2018 và cháu Trần Phương T1, sinh ngày 25/10/2020 cho bà Vương Thị Ngọc Y được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến khi thành niên. Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông Trần Văn K mà không ai được ngăn cản.

+ Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án bà Vương Thị Ngọc Y không có yêu cầu ông Trần Văn K cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung: Bà Vương Thị Ngọc Y và ông Trần Văn K không có yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Vương Thị Ngọc Y xác định bà và ông Trần Văn K không có nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Vương Thị Ngọc Y phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004554 ngày 17/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà Y đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm; ông Trần Văn K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh, Thành Phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục T.H.A DS huyện Long Phú;
- Lưu (HS, VP).

**Lê Hoàng Bảo**